

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 – 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt nam (VNĐ)

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	QUÝ : 03		LŨY KÊ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (Từ 03-07-2009 đến 30-09-2009)	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (Từ 03-07-2009 đến 30-09-2009)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	VI.14	8,400,535,858,086	4,660,958,841,989	21,830,618,365,641	4,660,958,841,989
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.15	5,473,558,034,736	2,611,799,655,962	13,646,450,930,226	2,611,799,655,962
I	Thu nhập lãi thuần		2,926,977,823,350	2,049,159,186,027	8,184,167,435,415	2,049,159,186,027
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		303,441,308,657	197,021,206,357	1,037,819,927,461	197,021,206,357
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		65,511,789,719	41,610,661,802	173,447,027,284	41,610,661,802
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ		237,929,518,938	155,410,544,555	864,372,900,177	155,410,544,555
III	Lãi /lỗ thuần từ h. động KD ngoại hối		67,246,430,988	1,151,822,978	91,333,688,235	1,151,822,978
IV	Lãi /lỗ thuần từ mua bán CK K.doanh	VI.16				
V	Lãi /lỗ thuần từ mua bán C.khoán đầu tư	VI.17	224,948,829	(33,568,680,296)	(6,171,286,239)	(33,568,680,296)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		166,087,910,137	599,028,940,390	401,869,863,245	599,028,940,390
6	Chi phí hoạt động khác		1,549,405,609	2,421,402,558	13,853,896,885	2,421,402,558
VI	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác		164,538,504,528	596,607,537,832	388,015,966,360	596,607,537,832



VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	VI.18	4,553,990,988	84,895,000,000	92,817,434,828	84,895,000,000
VIII	Chi phí hoạt động	VI.19	1,607,419,575,007	1,359,006,111,855	4,999,827,259,496	1,359,006,111,855
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1,794,051,642,614	1,494,649,299,241	4,614,708,879,280	1,494,649,299,241
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		387,330,521,263	731,884,184,426	1,071,868,215,348	731,884,184,426
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1,406,721,121,351	762,765,114,815	3,542,840,663,932	762,765,114,815
7	Chi phí thuế thu nhập hiện hành		286,398,000,000	377,839,851,516	773,267,542,581	377,839,851,516
8	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		286,398,000,000	377,839,851,516	773,267,542,581	377,839,851,516
XIII	Lợi nhuận sau thuế		1,120,323,121,351	384,925,263,299	2,769,573,121,351	384,925,263,299
XIV	Lợi ích của cổ đông tối thiểu					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

Lập bảng

[Signature]

Lê Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Văn Chung

Hà nội, ngày 19 tháng 10 năm 2010

KT/Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Du